BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902606 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 5.10.2022 **Giờ thi:** 10giờ30 **Phòng thi:** A1.8

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210030005	Trịnh Thái	An	21/04/2004		5,5	Năm năm	C24DDT	
2	2210030013	Lý Gia	Bảo	04/09/2004		5,0	Năm	C24DDT	
3	2210030006	Trần Gia	Bảo	02/11/2004		7,0	Bảy	C24DDT	
4	2210030002	Lê Minh	Cẩn	06/12/2004		6,0	Sáu	C24DDT	
5	2210010037	Trần Thiện	Công	30/05/2004		6,0	Sáu	C24DDT	
6	2210030009	Bùi Nguyễn Khánh	Duy	01/03/2004		5,0	Năm	C24DDT	
7	2210030016	Bành Bửu	Đạt	09/05/2004		5,0	Năm	C24DDT	
8	2210030027	Ngô Lê Gia	Đạt	27/04/2004		7,0	Bảy	C24DDT	
9	2210030028	Nguyễn Lê Y	Đức	28/08/2004		7,0	Bảy	C24DDT	
10	2210030025	Văn Ngọc	Hoài	16/12/2002				C24DDT	Nợ HP
11	2210030022	Huỳnh Quang	Huy	26/04/2003		7,0	Bảy	C24DDT	
12	2210030021	Lâm Gia	Huy	19/01/2004		7,5	Bảy năm	C24DDT	
13	2210030012	Lý Ngọc	Huy	07/08/2004				C24DDT	
14	2210030026	Phạm Nguyễn Khắc	Huy	03/03/2004		6,0	Sáu	C24DDT	
15	2210030023	Nguyễn Văn Tấn	Hùng	21/11/2004		6,0	Sáu	C24DDT	
16	2210030004	Trần Phúc An	Khang	07/05/2004		8,5	Tám năm	C24DDT	
17	2210030015	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2003		6,0	Sáu	C24DDT	
18	2210030001	Lê Đại	Nghĩa	14/02/2004		8,5	Tám năm	C24DDT	
19	2210030029	Trần Trung	Nghĩa	09/03/2004		5,0	Năm	C24DDT	
20	2210030007	Nguyễn Trần Thanh	Phong	11/05/2004		6,0	Sáu	C24DDT	
21	2210030003	Trương Minh Tuấn	Phong	06/02/2004		7,5	Bảy năm	C24DDT	
22	2210030010	Vũ Minh	Phước	21/10/2002		5,0	Năm	C24DDT	
23	2210030024	Trần Minh	Quang	20/01/2004		5,0	Năm	C24DDT	
24	2210010005	Võ Văn	Quốc	07/11/2003		6,0	Sáu	C24DDT	
25	2210010036	Phan Hữu	Tài	07/08/2004		5,0	Năm	C24DDT	
26	2210030018	Ngô Minh	Tân	11/06/2004		5,0	Năm	C24DDT	
27	2210030020	Phan Minh	Thắng	20/03/2003		7,5	Bảy năm	C24DDT	
28	2210030011	Trần Quốc	Thắng	24/10/2004		6,5	Sáu năm	C24DDT	
29	2210030008	Lâm Hữu	Tiến	31/12/2004		5,0	Năm	C24DDT	
30	2210030017	Lương Thanh Anh	Tuấn	15/08/2004		9,0	chín	C24DDT	
31	2210030019	Lê Quốc	Việt	23/05/2004		6,0	Sáu	C24DDT	
32	2210030014	Phạm Văn	Vĩ	28/07/2002		7,0	Bảy	C24DDT	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Ngày in: 16:54 06/10/2022

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi:_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:_____,____%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 10 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

TRƯ

KH

Ngày in: 16:54 06/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN, PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902606 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 5.10.2022 **Giờ thi:** 10giờ30 **Phòng thi:** A1.8

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010112	Nguyễn Hoàng Nhật	**Anh**	17/03/2001		5,0	Năm	C24TH4	
2	2210010122	Trần Quốc	**Anh**	28/04/2003		7,0	Bảy	C24TH4	
3	2210010111	Trần Tuấn	**Anh**	23/09/2004		5,0	Năm	C24TH4	
4	2210010119	Nguyễn Chí	**Bảo**	05/05/2004		5,0	Năm	C24TH4	
5	2210010129	Trần Gia	**Bảo**	11/01/2002		8,0	Tám	C24TH4	
6	2210010116	Đoàn Quốc	**Chí**	16/01/2004				C24TH4	
7	2210010113	Uông Lê Bảo	**Duy**	12/02/2004		5,0	Năm	C24TH4	
8	2210010134	Huỳnh Dương Khánh	**Đăng**	17/09/2004		5,0	Năm	C24TH4	
9	2210010114	Nguyễn Thị	**Đẹp**	25/05/2004		6,0	Sáu	C24TH4	
10	2210010127	Đỗ Quốc	**Hùng**	26/10/2004		6,0	Sáu	C24TH4	
11	2210010131	Trần Duy	**Khang**	22/10/2004		5,0	Năm	C24TH4	
12	2210010137	Nguyễn Tuấn	**Kiệt**	28/10/2003		5,0	Năm	C24TH4	
13	2210010130	Nguyễn Bằng	**Lăng**	12/04/2004		9,0	chín	C24TH4	
14	2210010135	Nguyễn Hoàng	**Nam**	21/03/2004				C24TH4	
15	2210010117	Dương Bảo	**Ngọc**	23/05/2004				C24TH4	
16	2210010133	Nguyễn Lê Thành	**Nhơn**	30/07/2004		6,0	Sáu	C24TH4	
17	2210010138	Nguyễn Sô	**Ny**	11/11/2003		7,0	Bảy	C24TH4	
18	2210010139	Lê Thanh	**Phát**	02/02/2004		7,0	Bảy	C24TH4	
19	2210010118	Dương Hoàng	**Phúc**	04/11/2004		5,0	Năm	C24TH4	
20	2210010124	Lê Thành	**Phước**	18/10/2002		5,0	Năm	C24TH4	
21	2210010136	Nguyễn Lê Minh	**Tấn**	22/08/2002		6,0	Sáu	C24TH4	
22	2210010128	Nguyễn Quang	**Thái**	18/05/2004		6,0	Sáu	C24TH4	
23	2210010132	Nguyễn Việt	**Thắng**	20/12/2004		7,0	Bảy	C24TH4	
24	2210010123	Thái Hoàng Minh	**Thông**	23/01/2004		6,0	Sáu	C24TH4	
25	2210010120	Trần Phạm Anh	**Trọng**	15/08/2004		5,0	Năm	C24TH4	
26	2210010121	Đào Thị Ngọc	**Tú**	06/07/2004		7,0	Bảy	C24TH4	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi :_____ **vắng thi:** _____. **Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 *tháng* 10 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thu

Trương Thị Ngọc Thu

Ngày in: 17:00 06/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902606 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 5.10.2022 **Giờ thi:** 10giờ30 **Phòng thi:** A1.8

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010082	Phạm Nhựt	Anh	28/06/2004		6,5	Sáu năm	C24TH3	
2	2210010074	Đào Lâm Gia	Bảo	22/09/2004		5,0	Năm	C24TH3	
3	2210010076	Trần Duy	Bằng	08/11/2004		7,0	Bảy	C24TH3	
4	2210010099	Đinh Trường	Duy	16/12/2004		7,0	Bảy	C24TH3	
5	2210010101	Hồ Minh	Duy	15/03/2004		7,5	Bảy năm	C24TH3	
6	2210010081	Nguyễn Bá	Duy	31/01/2004				C24TH3	
7	2210010078	Nguyễn Tiến	Dũng	12/09/2004		6,0	Sáu	C24TH3	
8	2210010106	Nguyễn Thị Hồng	Đào	21/06/2004		8,0	Tám	C24TH3	
9	2210010077	Lý Hoàng	Hải	17/11/2004		6,5	Sáu năm	C24TH3	
10	2210010109	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	13/01/2004		8,0	Tám	C24TH3	
11	2210010094	Quách Ngọc	Huy	19/20/2003		5,5	Năm năm	C24TH3	
12	2210010075	Nguyễn Phi	Hùng	27/06/2004		7,5	Bảy năm	C24TH3	
13	2210010092	Từ Ngọc	Khiêm	19/10/2004		9,5	chín năm	C24TH3	
14	2210010093	Nguyễn Phước Minh	Khoa	02/12/2004				C24TH3	
15	2210010090	Phan Hữu	Lộc	05/01/2004		5,0	Năm	C24TH3	
16	2210010108	Trần Huê	Lộc	14/12/2002		5,0	Năm	C24TH3	
17	2210010087	Hà Ngọc	Lương	26/02/2004		6,0	Sáu	C24TH3	
18	2210010105	Huỳnh Xuân	Mạnh	06/09/2004		7,5	Bảy năm	C24TH3	
19	2210010097	Võ Trịnh Nhật	Minh	29/12/2004		6,0	Sáu	C24TH3	
20	2210010091	Phan Hoài	Nam	19/04/2004		6,5	Sáu năm	C24TH3	
21	2210010100	Phan Thị Diễm	Ngọc	11/04/2004				C24TH3	
22	2210010102	Phạm Hoài	Nhân	03/10/2004		7,0	Bảy	C24TH3	
23	2210010103	Trần Thanh	Nhựt	12/03/2004		9,0	chín	C24TH3	
24	2210010086	Nguyễn Tiến	Phát	07/03/2004		5,5	Năm năm	C24TH3	
25	2210010096	Nguyễn Chí	Phi	09/01/2004		7,0	Bảy	C24TH3	
26	2210010095	Hồ Nguyễn	Phong	30/12/2004		9,5	chín năm	C24TH3	
27	2210010084	Nguyễn Văn	Phú	29/12/2003		7,0	Bảy	C24TH3	
28	2210010089	Hoàng Sỹ	Phương	27/08/2003		8,5	Tám năm	C24TH3	
29	2210010080	Nhan Trường	Sáng	30/03/2004		8,0	Tám	C24TH3	
30	2210010107	Lê Anh	Tài	02/04/2004		9,0	chín	C24TH3	
31	2210010098	Phạm Quốc	Thanh	04/02/2004		8,0	Tám	C24TH3	
32	2210010088	Lê Thị Ngọc	Thùy	13/12/2004		8,0	Tám	C24TH3	
33	2210010079	Nguyễn Mạnh	Trường	22/08/2004		5,0	Năm	C24TH3	
34	2210010110	Lê Quang	Vinh	05/12/2004		9,0	chín	C24TH3	

Ngày in: 16:57 06/10/2022

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi:_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ Tỷ lệ đạt:_____,____%

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 10 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

TR

K

Ngày in: 16:57 06/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902606 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 21.9.2022 **Giờ thi:** 10 giờ 30 **Phòng thi:** A1.8

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210030005	Trịnh Thái	**An**	21/04/2004		8,0	Tám	C24DDT	
2	2210030013	Lý Gia	**Bảo**	04/09/2004		5,5	Năm năm	C24DDT	
3	2210030006	Trần Gia	**Bảo**	02/11/2004		9,5	Chín năm	C24DDT	
4	2210030002	Lê Minh	**Cẩn**	06/12/2004		8,0	Tám	C24DDT	
5	2210010037	Trần Thiện	**Công**	30/05/2004		7,0	Bảy	C24DDT	
6	2210030009	Bùi Nguyễn Khánh	**Duy**	01/03/2004		5,0	Năm	C24DDT	
7	2210030016	Bành Bửu	**Đạt**	09/05/2004		5,0	Năm	C24DDT	
8	2210030027	Ngô Lê Gia	**Đạt**	27/04/2004		7,5	Bảy năm	C24DDT	
9	2210030028	Nguyễn Lê Y	**Đức**	28/08/2004		8,5	Tám năm	C24DDT	
10	2210030025	Văn Ngọc	**Hoài**	16/12/2002				C24DDT	Nợ HP
11	2210030022	Huỳnh Quang	**Huy**	26/04/2003		8,0	Tám	C24DDT	
12	2210030021	Lâm Gia	**Huy**	19/01/2004		8,0	Tám	C24DDT	
13	2210030012	Lý Ngọc	**Huy**	07/08/2004				C24DDT	
14	2210030026	Phạm Nguyễn Khắc	**Huy**	03/03/2004		7,0	Bảy	C24DDT	
15	2210030023	Nguyễn Văn Tấn	**Hùng**	21/11/2004		8,5	Tám năm	C24DDT	
16	2210030004	Trần Phúc An	**Khang**	07/05/2004		8,0	Tám	C24DDT	
17	2210030015	Phạm Quốc	**Khánh**	02/09/2003		6,0	Sáu	C24DDT	
18	2210030001	Lê Đại	**Nghĩa**	14/02/2004		7,0	Bảy	C24DDT	
19	2210030029	Trần Trung	**Nghĩa**	09/03/2004		5,0	Năm	C24DDT	
20	2210030007	Nguyễn Trần Thanh	**Phong**	11/05/2004		7,0	Bảy	C24DDT	
21	2210030003	Trương Minh Tuấn	**Phong**	06/02/2004		5,0	Năm	C24DDT	
22	2210030010	Vũ Minh	**Phước**	21/10/2002		5,0	Năm	C24DDT	
23	2210030024	Trần Minh	**Quang**	20/01/2004		6,0	Sáu	C24DDT	
24	2210010005	Võ Văn	**Quốc**	07/11/2003		6,5	Sáu năm	C24DDT	
25	2210010036	Phan Hữu	**Tài**	07/08/2004		6,0	Sáu	C24DDT	
26	2210030018	Ngô Minh	**Tân**	11/06/2004		6,0	Sáu	C24DDT	
27	2210030020	Phan Minh	**Thắng**	20/03/2003		6,0	Sáu	C24DDT	
28	2210030011	Trần Quốc	**Thắng**	24/10/2004		5,5	Năm năm	C24DDT	
29	2210030008	Lâm Hữu	**Tiến**	31/12/2004		5,0	Năm	C24DDT	
30	2210030017	Lương Thanh Anh	**Tuấn**	15/08/2004		8,5	Tám năm	C24DDT	
31	2210030019	Lê Quốc	**Việt**	23/05/2004		5,0	Năm	C24DDT	
32	2210030014	Phạm Văn	**Vĩ**	28/07/2002		6,5	Sáu năm	C24DDT	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Ngày in: 16:53 06/10/2022

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi:_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:_____,____%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

Ngày in: 16:53 06/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902606 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 21.9.2022 **Giờ thi:** 10giờ30 **Phòng thi:** A1.8

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010082	Phạm Nhựt	Anh	28/06/2004		6,0	Sáu	C24TH3	
2	2210010074	Đào Lâm Gia	Bảo	22/09/2004		5,0	Năm	C24TH3	
3	2210010076	Trần Duy	Bằng	08/11/2004		6,0	Sáu	C24TH3	
4	2210010099	Đinh Trường	Duy	16/12/2004		7,0	Bảy	C24TH3	
5	2210010101	Hồ Minh	Duy	15/03/2004		6,0	Sáu	C24TH3	
6	2210010081	Nguyễn Bá	Duy	31/01/2004				C24TH3	
7	2210010078	Nguyễn Tiến	Dũng	12/09/2004		6,0	Sáu	C24TH3	
8	2210010106	Nguyễn Thị Hồng	Đào	21/06/2004		7,0	Bảy	C24TH3	
9	2210010077	Lý Hoàng	Hải	17/11/2004		5,5	Năm năm	C24TH3	
10	2210010109	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	13/01/2004		9,5	chín năm	C24TH3	
11	2210010094	Quách Ngọc	Huy	19/20/2003		5,0	Năm	C24TH3	
12	2210010075	Nguyễn Phi	Hùng	27/06/2004		5,5	Năm năm	C24TH3	
13	2210010092	Từ Ngọc	Khiêm	19/10/2004		8,0	Tám	C24TH3	
14	2210010093	Nguyễn Phước Minh	Khoa	02/12/2004				C24TH3	
15	2210010090	Phan Hữu	Lộc	05/01/2004		5,0	Năm	C24TH3	
16	2210010108	Trần Huê	Lộc	14/12/2002		6,0	Sáu	C24TH3	
17	2210010087	Hà Ngọc	Lương	26/02/2004		7,5	Bảy năm	C24TH3	
18	2210010105	Huỳnh Xuân	Mạnh	06/09/2004		7,0	Bảy	C24TH3	
19	2210010097	Võ Trịnh Nhật	Minh	29/12/2004		7,0	Bảy	C24TH3	
20	2210010091	Phan Hoài	Nam	19/04/2004		9,0	chín	C24TH3	
21	2210010100	Phan Thị Diễm	Ngọc	11/04/2004				C24TH3	
22	2210010102	Phạm Hoài	Nhân	03/10/2004		8,5	Tám năm	C24TH3	
23	2210010103	Trần Thanh	Nhựt	12/03/2004		9,5	chín năm	C24TH3	
24	2210010086	Nguyễn Tiến	Phát	07/03/2004		6,5	Sáu năm	C24TH3	
25	2210010096	Nguyễn Chí	Phi	09/01/2004		6,0	Sáu	C24TH3	
26	2210010095	Hồ Nguyễn	Phong	30/12/2004		9,5	chín năm	C24TH3	
27	2210010084	Nguyễn Văn	Phú	29/12/2003		7,5	Bảy năm	C24TH3	
28	2210010089	Hoàng Sỹ	Phương	27/08/2003		8,0	Tám	C24TH3	
29	2210010080	Nhan Trường	Sáng	30/03/2004		7,0	Bảy	C24TH3	
30	2210010107	Lê Anh	Tài	02/04/2004		8,0	Tám	C24TH3	
31	2210010098	Phạm Quốc	Thanh	04/02/2004		6,5	Sáu năm	C24TH3	
32	2210010088	Lê Thị Ngọc	Thùy	13/12/2004		9,5	chín năm	C24TH3	
33	2210010079	Nguyễn Mạnh	Trường	22/08/2004		5,0	Năm	C24TH3	
34	2210010110	Lê Quang	Vinh	05/12/2004		8,0	Tám	C24TH3	

Ngày in: 16:57 06/10/2022

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi:_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:_____,____%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

TI

K

Ngày in: 16:57 06/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902606 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 21.9.2022 **Giờ thi:** 10giờ30 **Phòng thi:** A1.8

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010112	Nguyễn Hoàng Nhật	**Anh**	17/03/2001		5,5	Năm năm	C24TH4	
2	2210010122	Trần Quốc	**Anh**	28/04/2003		6,0	Sáu	C24TH4	
3	2210010111	Trần Tuấn	**Anh**	23/09/2004		5,5	Năm năm	C24TH4	
4	2210010119	Nguyễn Chí	**Bảo**	05/05/2004		5,0	Năm	C24TH4	
5	2210010129	Trần Gia	**Bảo**	11/01/2002		9,0	chín	C24TH4	
6	2210010116	Đoàn Quốc	**Chí**	16/01/2004				C24TH4	
7	2210010113	Uông Lê Bảo	**Duy**	12/02/2004		5,0	Năm	C24TH4	
8	2210010134	Huỳnh Dương Khánh	**Đăng**	17/09/2004		5,0	Năm	C24TH4	
9	2210010114	Nguyễn Thị	**Đẹp**	25/05/2004		6,0	Sáu	C24TH4	
10	2210010127	Đỗ Quốc	**Hùng**	26/10/2004		7,0	Bảy	C24TH4	
11	2210010131	Trần Duy	**Khang**	22/10/2004		5,0	Năm	C24TH4	
12	2210010137	Nguyễn Tuấn	**Kiệt**	28/10/2003		5,0	Năm	C24TH4	
13	2210010130	Nguyễn Bằng	**Lăng**	12/04/2004		8,0	Tám	C24TH4	
14	2210010135	Nguyễn Hoàng	**Nam**	21/03/2004				C24TH4	
15	2210010117	Dương Bảo	**Ngọc**	23/05/2004				C24TH4	
16	2210010133	Nguyễn Lê Thành	**Nhơn**	30/07/2004		6,0	Sáu	C24TH4	
17	2210010138	Nguyễn Sô	**Ny**	11/11/2003		5,0	Năm	C24TH4	
18	2210010139	Lê Thanh	**Phát**	02/02/2004		5,0	Năm	C24TH4	
19	2210010118	Dương Hoàng	**Phúc**	04/11/2004		5,0	Năm	C24TH4	
20	2210010124	Lê Thành	**Phước**	18/10/2002		7,5	Bảy năm	C24TH4	
21	2210010136	Nguyễn Lê Minh	**Tấn**	22/08/2002		6,5	Sáu năm	C24TH4	
22	2210010128	Nguyễn Quang	**Thái**	18/05/2004		5,0	Năm	C24TH4	
23	2210010132	Nguyễn Việt	**Thắng**	20/12/2004		5,0	Năm	C24TH4	
24	2210010123	Thái Hoàng Minh	**Thông**	23/01/2004		8,5	Tám năm	C24TH4	
25	2210010120	Trần Phạm Anh	**Trọng**	15/08/2004		5,0	Năm	C24TH4	
26	2210010121	Đào Thị Ngọc	**Tú**	06/07/2004		5,5	Năm năm	C24TH4	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi :_____ **vắng thi:** _____. **Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____%

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thu

Trương Thị Ngọc Thu

Ngày in: 16:58 06/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026
Mã lớp học phần: MH110902606 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu
Ngày thi: 23/11/2022 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: Dương Minh Tuấn Ký tên:
Giám thị 2: T. T. Nguyên Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên:_____
Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010105	Huỳnh Xuân	**Mạnh**	06/09/2004					C24TH3	
2	2210010097	Võ Trịnh Nhật	**Minh**	29/12/2004					C24TH3	
3	2210010091	Phan Hoài	**Nam**	19/04/2004					C24TH3	
4	2210030001	Lê Đại	**Nghĩa**	14/02/2004					C24DDT	
5	2210030029	Trần Trung	**Nghĩa**	09/03/2004					C24DDT	
6	2210010102	Phạm Hoài	**Nhân**	03/10/2004					C24TH3	
7	2210010133	Nguyễn Lê Thành	**Nhơn**	30/07/2004					C24TH4	
8	2210010103	Trần Thanh	**Nhựt**	12/03/2004					C24TH3	
9	2210010138	Nguyễn Sô	**Ny**	11/11/2003					C24TH4	
10	2210010139	Lê Thanh	**Phát**	02/02/2004					C24TH4	
11	2210010086	Nguyễn Tiến	**Phát**	07/03/2004					C24TH3	
12	2210010096	Nguyễn Chí	**Phi**	09/01/2004					C24TH3	
13	2210010095	Hồ Nguyễn	**Phong**	30/12/2004					C24TH3	
14	2210030007	Nguyễn Trần Thanh	**Phong**	11/05/2004					C24DDT	
15	2210030003	Trương Minh Tuấn	**Phong**	06/02/2004					C24DDT	
16	2210010084	Nguyễn Văn	**Phú**	29/12/2003					C24TH3	
17	2210010118	Dương Hoàng	**Phúc**	04/11/2004					C24TH4	
18	2210010089	Hoàng Sỹ	**Phương**	27/08/2003					C24TH3	
19	2210010124	Lê Thành	**Phước**	18/10/2002					C24TH4	
20	2210030010	Vũ Minh	**Phước**	21/10/2002					C24DDT	
21	2210030024	Trần Minh	**Quang**	20/01/2004					C24DDT	
22	2210010005	Võ Văn	**Quốc**	07/11/2003					C24DDT	
23	2210010080	Nhan Trường	**Sáng**	30/03/2004					C24TH3	
24	2210010107	Lê Anh	**Tài**	02/04/2004					C24TH3	
25	2210010036	Phan Hữu	**Tài**	07/08/2004		V	V		C24DDT	
26	2210030018	Ngô Minh	**Tân**	11/06/2004					C24DDT	
27	2210010136	Nguyễn Lê Minh	**Tấn**	22/08/2002					C24TH4	
28	2210010098	Phạm Quốc	**Thanh**	04/02/2004		V	V		C24TH3	
29	2210010128	Nguyễn Quang	**Thái**	18/05/2004					C24TH4	
30	2210010132	Nguyễn Việt	**Thắng**	20/12/2004					C24TH4	
31	2210030020	Phan Minh	**Thắng**	20/03/2003					C24DDT	
32	2210030011	Trần Quốc	**Thắng**	24/10/2004					C24DDT	
33	2210010123	Thái Hoàng Minh	**Thông**	23/01/2004					C24TH4	
34	2210010088	Lê Thị Ngọc	**Thùy**	13/12/2004					C24TH3	
35	2210030008	Lâm Hữu	**Tiến**	31/12/2004					C24DDT	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
36	2210010120	Trần Phạm Anh	**Trọng**	15/08/2004					C24TH4	
37	2210010079	Nguyễn Mạnh	**Trường**	22/08/2004					C24TH3	
38	2210030017	Lương Thanh Anh	**Tuấn**	15/08/2004					C24DDT	
39	2210010121	Đào Thị Ngọc	**Tú**	06/07/2004					C24TH4	
40	2210030019	Lê Quốc	**Việt**	23/05/2004					C24DDT	
41	2210010110	Lê Quang	**Vinh**	05/12/2004					C24TH3	
42	2210030014	Phạm Văn	**Vĩ**	28/07/2002					C24DDT	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 40 **vắng thi:** 2 **. Số bài thi/Số tờ:** 40 / _____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CĐ
P
KHẢO THÍ

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

Môn học: Tiếng Anh 1
Mã bài thi: EM3VZ1
Thời gian thi: 23/11/2022 15:15:00
Thời gian kết thúc: 23/11/2022 16:15:00

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010105	Huỳnh Xuân Mạnh	06/09/2004		6.4	Sáu, bốn	C24TH3	
2	2210010097	Võ Trịnh Nhật Minh	29/12/2004		8	Tám	C24TH3	
3	2210010091	Phan Hoài Nam	19/04/2004		7	Bảy	C24TH3	
4	2210030001	Lê Đại Nghĩa	14/02/2004		7.6	Bảy, sáu	C24DDT	
5	2210030029	Trần Trung Nghĩa	09/03/2004		5	Năm	C24DDT	
6	2210010102	Phạm Hoài Nhân	03/10/2004		5.6	Năm, sáu	C24TH3	
7	2210010133	Nguyễn Lê Thành Nhơn	30/07/2004		7.4	Bảy, bốn	C24TH4	
8	2210010103	Trần Thanh Nhựt	12/03/2004		7.8	Bảy, tám	C24TH3	
9	2210010138	Nguyễn Sô Ny	11/11/2003		8	Tám	C24TH4	
10	2210010139	Lê Thanh Phát	02/02/2004		8.8	Tám, tám	C24TH4	
11	2210010086	Nguyễn Tiến Phát	07/03/2004		6.4	Sáu, bốn	C24TH3	
12	2210010096	Nguyễn Chí Phi	09/01/2004		7.4	Bảy, bốn	C24TH3	
13	2210010095	Hồ Nguyễn Phong	30/12/2004		9.4	Chín, bốn	C24TH3	
14	2210030003	Trương Minh Tuấn Phong	06/02/2004		4.4	Bốn, bốn	C24DDT	
15	2210030007	Nguyễn Trần Thanh Phong	11/05/2004		6.4	Sáu, bốn	C24DDT	
16	2210010084	Nguyễn Văn Phú	29/12/2003		9.2	Chín, hai	C24TH3	
17	2210010118	Dương Hoàng Phúc	04/11/2004		5.6	Năm, sáu	C24TH4	
18	2210010124	Lê Thành Phước	18/10/2002		6.2	Sáu, hai	C24TH4	
19	2210030010	Vũ Minh Phước	21/10/2002		7.8	Bảy, tám	C24DDT	
20	2210010089	Hoàng Sỹ Phương	27/08/2003		6.4	Sáu, bốn	C24TH3	
21	2210030024	Trần Minh Quang	20/01/2004		5.4	Năm, bốn	C24DDT	
22	2210010005	Võ Văn Quốc	07/11/2003		8.6	Tám, sáu	C24DDT	
23	2210010080	Nhan Trường Sáng	30/03/2004		6	Sáu	C24TH3	
24	2210010107	Lê Anh Tài	02/04/2004		9.4	Chín, bốn	C24TH3	
25	2210030018	Ngô Minh Tân	11/06/2004		4.8	Bốn, tám	C24DDT	
26	2210010136	Nguyễn Lê Minh Tấn	22/08/2002		6.4	Sáu, bốn	C24TH4	
27	2210010128	Nguyễn Quang Thái	18/05/2004		5.6	Năm, sáu	C24TH4	
28	2210010132	Nguyễn Việt Thắng	20/12/2004		7	Bảy	C24TH4	
29	2210030011	Trần Quốc Thắng	24/10/2004		8.2	Tám, hai	C24DDT	
30	2210030020	Phan Minh Thắng	20/03/2003		4.8	Bốn, tám	C24DDT	
31	2210010123	Thái Hoàng Minh Thông	23/01/2004		6.6	Sáu, sáu	C24TH4	
32	2210010088	Lê Thị Ngọc Thùy	13/12/2004		9.4	Chín, bốn	C24TH3	
33	2210030008	Lâm Hữu Tiến	31/12/2004		7	Bảy	C24DDT	
34	2210010120	Trần Phạm Anh Trọng	15/08/2004		6.8	Sáu, tám	C24TH4	
35	2210010079	Nguyễn Mạnh Trường	22/08/2004		8.2	Tám, hai	C24TH3	
36	2210010121	Đào Thị Ngọc Tú	06/07/2004		9.6	Chín, sáu	C24TH4	
37	2210030017	Lương Thanh Anh Tuấn	15/08/2004		9.8	Chín, tám	C24DDT	
38	2210030014	Phạm Văn Vĩ	28/07/2002		8.8	Tám, tám	C24DDT	
39	2210030019	Lê Quốc Việt	23/05/2004		5.8	Năm, tám	C24DDT	
40	2210010110	Lê Quang Vinh	05/12/2004		9.8	Chín, tám	C24TH3	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- *Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.*

Số sinh viên dự thi: 40 **Số sinh viên đạt: 40**

Ngày ___ tháng ___ năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày ___ tháng ___ năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026
Mã lớp học phần: MH110902606 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu
Ngày thi: 23/11/2022 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: T V Long Ký tên:
Giám thị 2: N V Trinh Ký tên:
Giám thị 3: N T Dung Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210030005	Trịnh Thái	An	21/04/2004					C24DDT	
2	2210010112	Nguyễn Hoàng Nhật	Anh	17/03/2001					C24TH4	
3	2210010082	Phạm Nhựt	Anh	28/06/2004					C24TH3	
4	2210010122	Trần Quốc	Anh	28/04/2003					C24TH4	
5	2210010111	Trần Tuấn	Anh	23/09/2004					C24TH4	
6	2210010074	Đào Lâm Gia	Bảo	22/09/2004					C24TH3	
7	2210030013	Lý Gia	Bảo	04/09/2004					C24DDT	
8	2210010119	Nguyễn Chí	Bảo	05/05/2004					C24TH4	
9	2210010129	Trần Gia	Bảo	11/01/2002					C24TH4	
10	2210030006	Trần Gia	Bảo	02/11/2004					C24DDT	
11	2210010076	Trần Duy	Bằng	08/11/2004					C24TH3	
12	2210030002	Lê Minh	Cẩn	06/12/2004					C24DDT	
13	2210010037	Trần Thiện	Công	30/05/2004					C24DDT	
14	2210030009	Bùi Nguyễn Khánh	Duy	01/03/2004					C24DDT	
15	2210010099	Đinh Trường	Duy	16/12/2004					C24TH3	
16	2210010101	Hồ Minh	Duy	15/03/2004					C24TH3	V5
17	2210010113	Uông Lê Bảo	Duy	12/02/2004					C24TH4	
18	2210010078	Nguyễn Tiến	Dũng	12/09/2004					C24TH3	
19	2210010106	Nguyễn Thị Hồng	Đào	21/06/2004					C24TH3	
20	2210030016	Bành Bửu	Đạt	09/05/2004					C24DDT	
21	2210030027	Ngô Lê Gia	Đạt	27/04/2004					C24DDT	
22	2210010134	Huỳnh Dương Khánh	Đăng	17/09/2004					C24TH4	V5
23	2210010114	Nguyễn Thị	Đẹp	25/05/2004					C24TH4	
24	2210030028	Nguyễn Lê Y	Đức	28/08/2004					C24DDT	
25	2210010077	Lý Hoàng	Hải	17/11/2004					C24TH3	
26	2210010109	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	13/01/2004					C24TH3	
27	2210030022	Huỳnh Quang	Huy	26/04/2003					C24DDT	
28	2210030021	Lâm Gia	Huy	19/01/2004					C24DDT	
29	2210030026	Phạm Nguyễn Khắc	Huy	03/03/2004					C24DDT	
30	2210010094	Quách Ngọc	Huy	19/20/2003					C24TH3	V5
31	2210010127	Đỗ Quốc	Hùng	26/10/2004					C24TH4	Thử SV
32	2210010075	Nguyễn Phi	Hùng	27/06/2004					C24TH3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210030023	Nguyễn Văn Tấn	**Hùng**	21/11/2004					C24DDT	
34	2210010131	Trần Duy	**Khang**	22/10/2004					C24TH4	
35	2210030004	Trần Phúc An	**Khang**	07/05/2004					C24DDT	
36	2210030015	Phạm Quốc	**Khánh**	02/09/2003					C24DDT	
37	2210010092	Từ Ngọc	**Khiêm**	19/10/2004					C24TH3	
38	2210010137	Nguyễn Tuấn	**Kiệt**	28/10/2003					C24TH4	
39	2210010130	Nguyễn Bằng	**Lăng**	12/04/2004					C24TH4	
40	2210010090	Phan Hữu	**Lộc**	05/01/2004					C24TH3	
41	2210010108	Trần Huê	**Lộc**	14/12/2002					C24TH3	
42	2210010087	Hà Ngọc	**Lương**	26/02/2004					C24TH3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 39 **vắng thi:** 03 **. Số bài thi/Số tờ:** 39 / 39 .

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

Môn học: Tiếng Anh 1
Mã bài thi: 9I4NSQ
Thời gian thi: 23/11/2022 15:15:00
Thời gian kết thúc: 23/11/2022 16:15:00

Giám thị 1: GV Long Ký tên:
Giám thị 2: N V Tâm Ký tên:
Giám thị 3: Ng T. Dg Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210030005	Trịnh Thái An	21/04/2004		5.6	Năm, sáu	C24DDT	
2	2210010122	Trần Quốc Anh	28/04/2003		8	Tám	C24TH4	
3	2210010082	Phạm Nhựt Anh	28/06/2004		6.8	Sáu, tám	C24TH3	
4	2210010111	Trần Tuấn Anh	23/09/2004		8.4	Tám, bốn	C24TH4	
5	2210010112	Nguyễn Hoàng Nhật Anh	17/03/2001		6.6	Sáu, sáu	C24TH4	
6	2210010076	Trần Duy Bằng	08/11/2004		7.2	Bảy, hai	C24TH3	
7	2210010074	Đào Lâm Gia Bảo	22/09/2004		6.2	Sáu, hai	C24TH3	
8	2210010119	Nguyễn Chí Bảo	05/05/2004		8	Tám	C24TH4	
9	2210010129	Trần Gia Bảo	11/01/2002		9.4	Chín, bốn	C24TH4	
10	2210030006	Trần Gia Bảo	02/11/2004		6.6	Sáu, sáu	C24DDT	
11	2210030013	Lý Gia Bảo	04/09/2004		5.4	Năm, bốn	C24DDT	
12	2210030002	Lê Minh Cẩn	06/12/2004		8.6	Tám, sáu	C24DDT	
13	2210010037	Trần Thiện Công	30/05/2004		7.6	Bảy, sáu	C24DDT	
14	2210010106	Nguyễn Thị Hồng Đào	21/06/2004		8.6	Tám, sáu	C24TH3	
15	2210030016	Bành Bửu Đạt	09/05/2004		5.4	Năm, bốn	C24DDT	
16	2210030027	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004		6.2	Sáu, hai	C24DDT	
17	2210010114	Nguyễn Thị Đẹp	25/05/2004		7.2	Bảy, hai	C24TH4	
18	2210030028	Nguyễn Lê Y Đức	28/08/2004		6.6	Sáu, sáu	C24DDT	
19	2210010078	Nguyễn Tiến Dũng	12/09/2004		5.6	Năm, sáu	C24TH3	
20	2210010113	Uông Lê Bảo Duy	12/02/2004		6	Sáu	C24TH4	
21	2210010099	Đinh Trường Duy	16/12/2004		6.2	Sáu, hai	C24TH3	
22	2210030009	Bùi Nguyễn Khánh Duy	01/03/2004		6.6	Sáu, sáu	C24DDT	
23	2210010077	Lý Hoàng Hải	17/11/2004		8.2	Tám, hai	C24TH3	
24	2210010109	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	13/01/2004		6.6	Sáu, sáu	C24TH3	
25	2210010075	Nguyễn Phi Hùng	27/06/2004		9.6	Chín, sáu	C24TH3	
26	2210010127	Đỗ Quốc Hùng	26/10/2004		9	Chín	C24TH4	
27	2210030023	Nguyễn Văn Tấn Hùng	21/11/2004		9.6	Chín, sáu	C24DDT	
28	2210030026	Phạm Nguyễn Khắc Huy	03/03/2004		7.8	Bảy, tám	C24DDT	
29	2210030021	Lâm Gia Huy	19/01/2004		7.8	Bảy, tám	C24DDT	
30	2210030022	Huỳnh Quang Huy	26/04/2003		7.4	Bảy, bốn	C24DDT	
31	2210030004	Trần Phúc An Khang	07/05/2004		8.8	Tám, tám	C24DDT	
32	2210010131	Trần Duy Khang	22/10/2004		9.2	Chín, hai	C24TH4	
33	2210030015	Phạm Quốc Khánh	02/09/2003		8.4	Tám, bốn	C24DDT	
34	2210010092	Từ Ngọc Khiêm	19/10/2004		9	Chín	C24TH3	
35	2210010137	Nguyễn Tuấn Kiệt	28/10/2003		6.6	Sáu, sáu	C24TH4	
36	2210010130	Nguyễn Bằng Lăng	12/04/2004		6.6	Sáu, sáu	C24TH4	
37	2210010090	Phan Hữu Lộc	05/01/2004		7.8	Bảy, tám	C24TH3	
38	2210010108	Trần Huê Lộc	14/12/2002		6	Sáu	C24TH3	
39	2210010087	Hà Ngọc Lương	26/02/2004		6.8	Sáu, tám	C24TH3	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 39

Số sinh viên đạt: 39

Ngày ___ tháng ___ năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày ___ tháng ___ năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)